

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 16 - 9 - 2020
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Tân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Đức Hoàn

Ông Bùi Trung Thành

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Văn Thịnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 135/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2020 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Vì Thị **QN**; sinh năm: 1998; nơi cư trú: Thôn C, xã C(nay là thị trấn N), huyện N, tỉnh Thanh Hoá.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn **QA**; sinh năm: 1987; nơi cư trú: Thôn C, xã C(nay là thị trấn N), huyện N, tỉnh Thanh Hoá.

Tại phiên toà có mặt anh **QA**, vắng mặt chị **QN**. Chị **QN** đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22/6/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Vì Thị **QN** trình bày: Chị và anh Phạm Văn **QA** kết hôn tự nguyện, đã tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục địa phương từ năm 2015, nhưng mãi đến ngày 27/6/2016 mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã C(nay là thị trấn N), huyện N, tỉnh Thanh Hoá. Sau ngày cưới, cuộc sống vợ chồng hoà thuận được 03 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm. Vợ chồng chị đã sống ly thân 01 năm nay, không ai quan tâm tới ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ

chồng không còn, nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh **QA**.

Về con cái: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Phạm Văn **H**, sinh ngày 22/01/2016. Nếu ly hôn, chị giao cháu **H** cho anh **QA** trực tiếp nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Chị **QN** không yêu cầu Toà án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Phạm Văn **QA** trình bày: Về ngày kết hôn, nơi đăng ký kết hôn đúng như nguyên đơn trình bày. Trong thời gian chung sống, vợ chồng vẫn yêu thương, chăm sóc nhau bình thường, không có mâu thuẫn gì. Đến ngày 15/10/2019, khi vợ chồng đang làm nhà thì chị **QN** đột nhiên bỏ nhà đi, không nói gì với anh. Hiện chị **QN** không còn chung sống với anh và con mà ở bên nhà ông bà ngoại. Anh không đồng ý ly hôn.

Về con cái: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Phạm Văn **H**, sinh ngày 22/01/2016. Nếu ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu **H**. Nếu chị **QN** cương quyết ly hôn thì phải cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng theo quy định pháp luật. Tại phiên toà, anh **QA** yêu cầu chị **QN** cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

Về tài sản: Vợ chồng anh có xây dựng được ngôi nhà đồ bê tông trị giá khoảng 50 triệu đồng, làm trên đất của mẹ anh được thừa kế là bà Phạm Thị Định ở Khu phố Cao Xuân, thị trấn **N**, huyện **N**, tỉnh Thanh Hoá. Ngoài ra, vợ chồng anh có cho bà Lương Thị Thao (mẹ chị **QN**) trú tại **QA** Hiến, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá vay 30 triệu đồng, anh Lương Văn Hùng trú tại Trí Nang, Giao An, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá vay 20 triệu đồng. Tại phiên toà, anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS); chị **QN** đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật, anh **QA** không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình: Xử cho chị **Vì Thị QN** được ly hôn anh Phạm Văn **QA**. Giao cháu Phạm Văn **H**, sinh ngày 22/01/2016 cho anh **QA** trực tiếp nuôi dưỡng. Chị **QN** phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 09/2020 cho đến khi cháu **H** đủ 18 tuổi.

Theo ý kiến trình bày của hai bên đương sự: Chị **QN** và anh **QA** thống nhất không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản, không thống nhất được về phần hôn nhân và con cái.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng anh Phạm Văn **QA** không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh **QA** theo quy định tại khoản 3 điều 210 BLTTDS.

Anh **QA** đã được triệu tập họp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng anh **QA** đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

Chị **QN** đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ quy định tại khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228 BLTTDS, Toà án xét xử vắng mặt chị **QN**.

[2] Về hôn nhân: Chị **Vì Thị QN** và anh **Phạm Văn QA** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 27/6/2016 tại UBND xã **C**(nay là thị trấn **N**), huyện **N**, tỉnh Thanh Hoá và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm. Hiện hai vợ chồng đã sống ly thân. Tòa án cũng đã nhiều lần triệu tập anh **QA** lên làm việc để hoà giải đoàn tụ vợ chồng nhưng anh **QA** đều không có mặt, thể hiện anh **QA** không thiết tha hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó chứng tỏ chị **QN**, anh **QA** đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nghĩ nên căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị **QN** được ly hôn anh **QA**.

[3] Về con cái: Chị **QN** và anh **QA** có 01 con chung. Chị **QN** và anh **QA** đều có nguyện vọng giao cháu **H** cho anh **QA** trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, hiện tại cháu đang ở với anh **QA**. Để không bị xáo trộn cuộc sống và đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt cho cháu, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị **QN** và anh **QA**, giao cháu **H** cho anh **QA** trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Xét thấy, theo anh **QA** trình bày hiện tại cháu **H** đang đi học lớp mầm non, chi phí nuôi dưỡng cháu trung bình mỗi tháng khoảng 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Chị **QN** không có nghề nghiệp ổn định. Trách nhiệm nuôi dưỡng cháu **H** là của cả chị **QN** và anh **QA**. Căn cứ điều kiện thực tế và các quy định của pháp luật, chấp nhận một phần yêu cầu của anh **QA**, buộc chị **QN** phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng), thời gian cấp dưỡng từ tháng 09/2020 cho đến khi cháu **H** đủ 18 tuổi là phù hợp.

[4] Về tài sản: Chị **QN**, anh **QA** không yêu cầu nên miễn xét.

[5] Về án phí: Chị **QN** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn và cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83; 107; 110 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; 227; 228; 271; 273; 482 BLTTDS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Vì Thị **QN** được ly hôn anh Phạm Văn **QA**.

2. Về con cái: Giao cháu Phạm Văn **H**, sinh ngày 22/01/2016 cho anh **QA** trực tiếp nuôi dưỡng. Chị **QN** phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 09/2020 cho đến khi cháu **H** đủ 18 tuổi.

Chị **QN** có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Từ khi anh **QA** có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chưa thi hành án khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, hàng tháng chị **QN** còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 BLDS trên số tiền phải thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí: Chị Vì Thị **QN** phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn và 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con chung, nhưng được trừ vào số tiền chị đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện **N**, theo biên lai số AA/2019/0011831 ngày 25/6/2020. Chị **QN** còn phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt anh **QA**, vắng mặt chị **QN**. Anh **QA** có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị **QN** có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Khoản tiền cấp dưỡng nuôi con được thi hành ngay, mặc dù bản án có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- UBND TT **N**;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Tân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Đức Hoàn

Bùi Trung Thành

Nguyễn Thanh Tân

